

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2024

Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vy.
- Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số E B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Quốc D, sinh năm 1973; địa chỉ: địa chỉ: Số E B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Quốc D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30/9/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, giữa chị và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D gia trưởng thường chửi bới bạo hành về mặt tinh thần và đánh đuổi chị T nhiều lần nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T và anh D đã sống ly thân nhau một năm tôi đã ra nhà bố mẹ sống và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Do đó, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Quốc D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Hồ Anh K, sinh ngày

07/4/2007 và Hồ Yến N, sinh ngày 22/10/2012. Con chung Hồ Yến N hiện nay đang sống cùng với chị T và Hồ Anh K đang sống với anh D, nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024, bị đơn – anh Hồ Quốc D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hồ Quốc D và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30/9/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn sống chung được 16 năm thì chị T nghỉ việc về ngoại sinh sống anh chị đã ly thân được 01 năm chị T1 đem theo con là cháu N ra ngoại sinh sống nhưng sợ anh D không đồng ý nên chị ly hôn nếu giao hai con cho anh D nuôi anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Dũng và chị T có 02 con chung là Hồ Anh K, sinh ngày 07/4/2007 và Hồ Yến N, sinh ngày 22/10/2012. Con chung Hồ Yến N hiện nay đang sống cùng với chị T và Hồ Anh K đang sống với anh D, nếu ly hôn chị anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D1 trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hồ Quốc D.

- Về con chung: Giao con chung Hồ Yến N cho chị T và Hồ Anh K cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hồ Quốc D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt và có đơn đề nghị

giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Quốc D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/9/2006, nên hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Quốc D đều xác nhận giữa anh chị có mâu thuẫn, anh chị sống ly thân với nhau một năm và hiện nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn (nếu giao hai con cho anh nuôi). Như vậy, xét thấy giữa vợ chồng chị T, anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D là đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Hồ Anh K, sinh ngày 07/4/2007 và Hồ Yến N, sinh ngày 22/10/2012.

Con chung Hồ Yến N hiện nay đang sống cùng với chị T và Hồ Anh K đang sống với anh D xét yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con chung Hồ Yến N và giao cháu Hồ Anh K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng yêu cầu được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D là do vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Hiện nay cháu N là con gái đang được mẹ nuôi và cháu K là con trai đang được ba trực tiếp nuôi dưỡng, nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định tâm lý của các cháu và phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần giao cháu Hồ Yến N, cho chị T và giao cháu Hồ Anh K cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Vì mỗi người nuôi một cháu nên không cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hồ Quốc D; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao cháu Hồ Yến N, sinh ngày 22/10/2012 cho chị T và giao cháu Hồ Anh K, sinh ngày 07/4/2007 cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003305 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh T.T.Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường K, thành phố Huế
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng